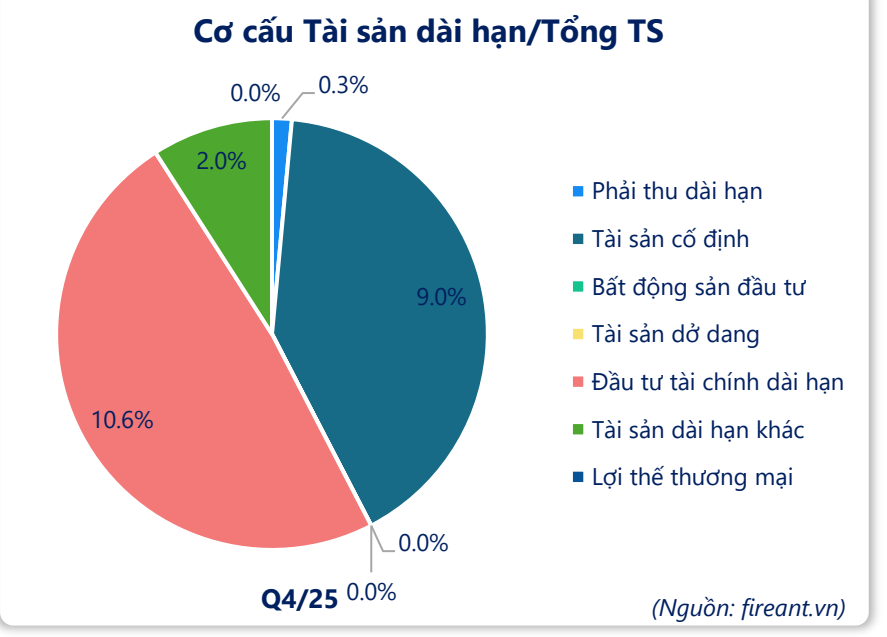
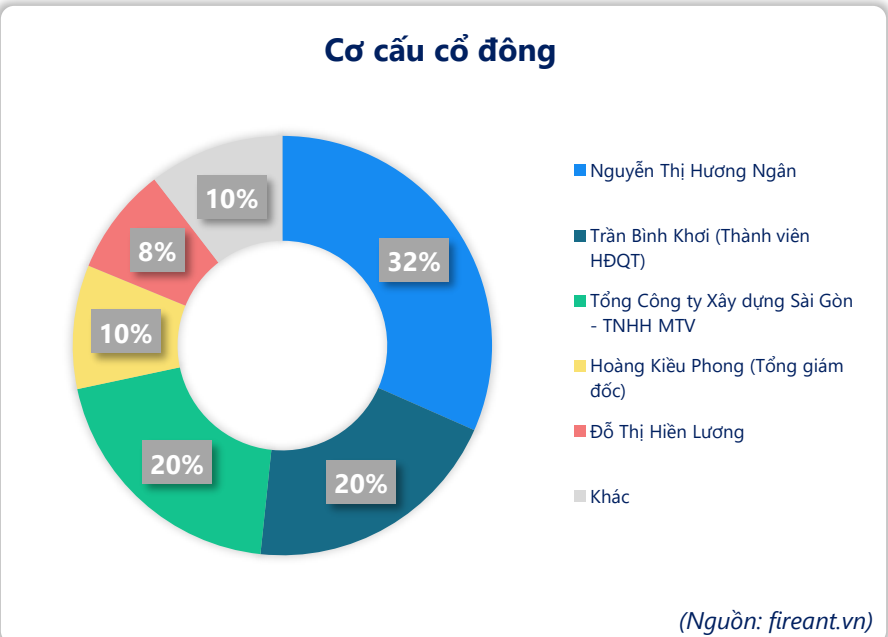
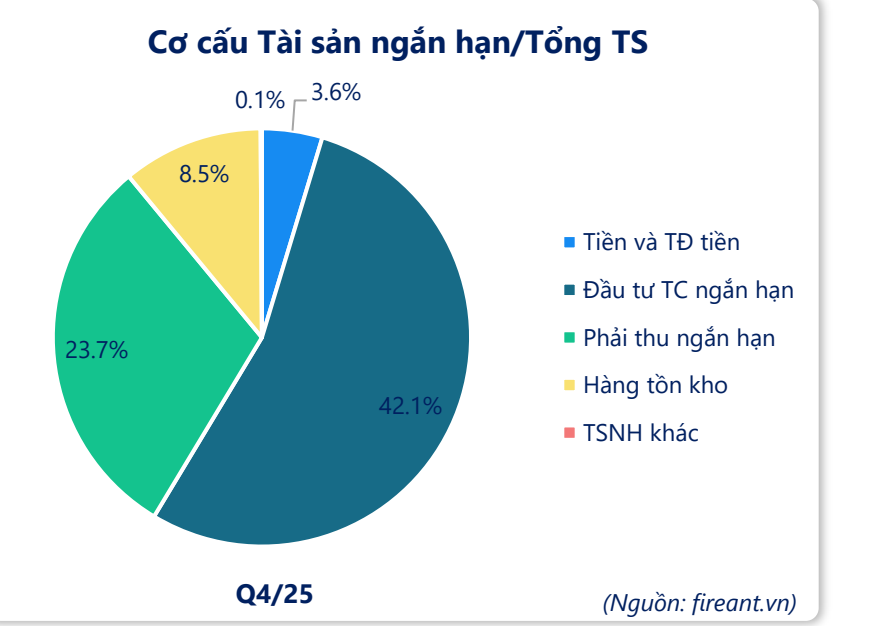
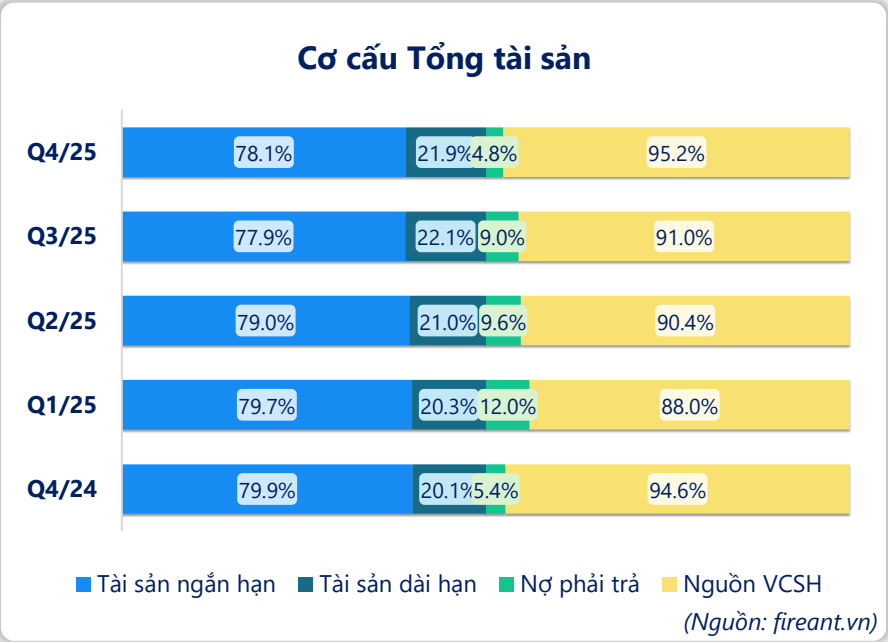
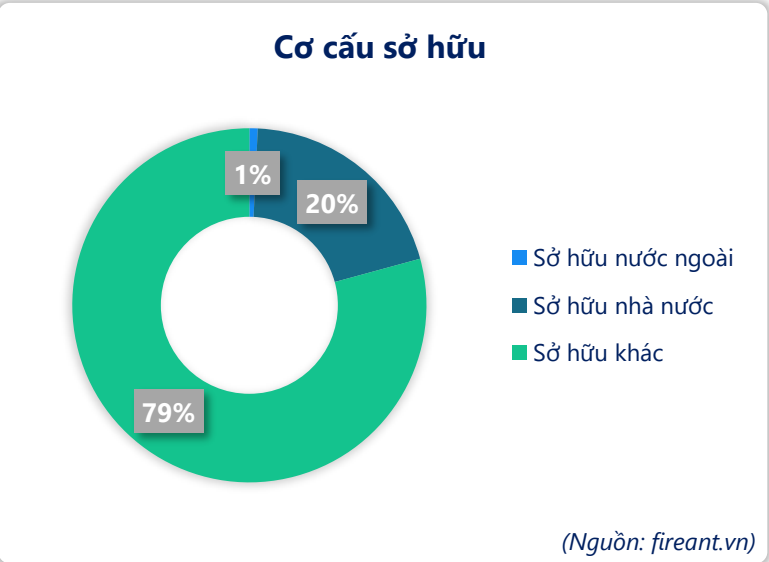
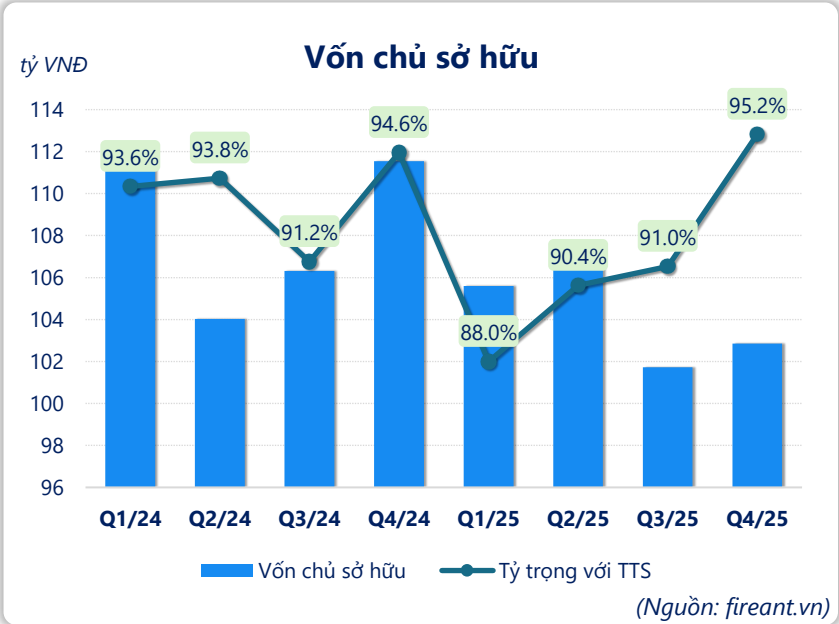
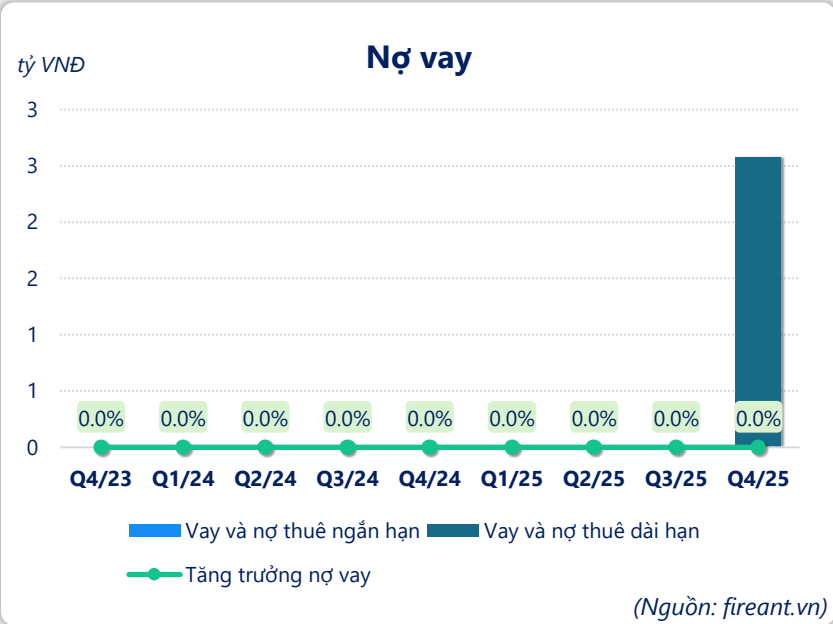
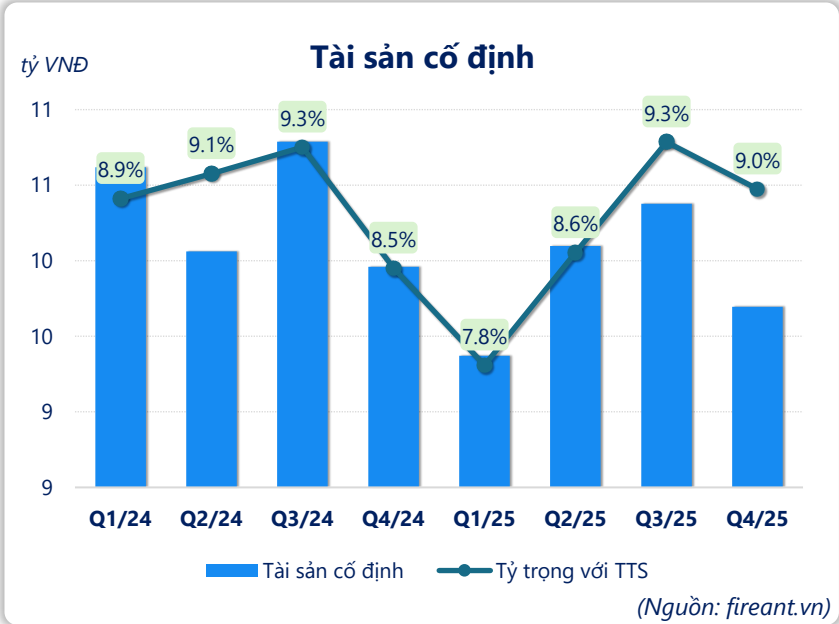
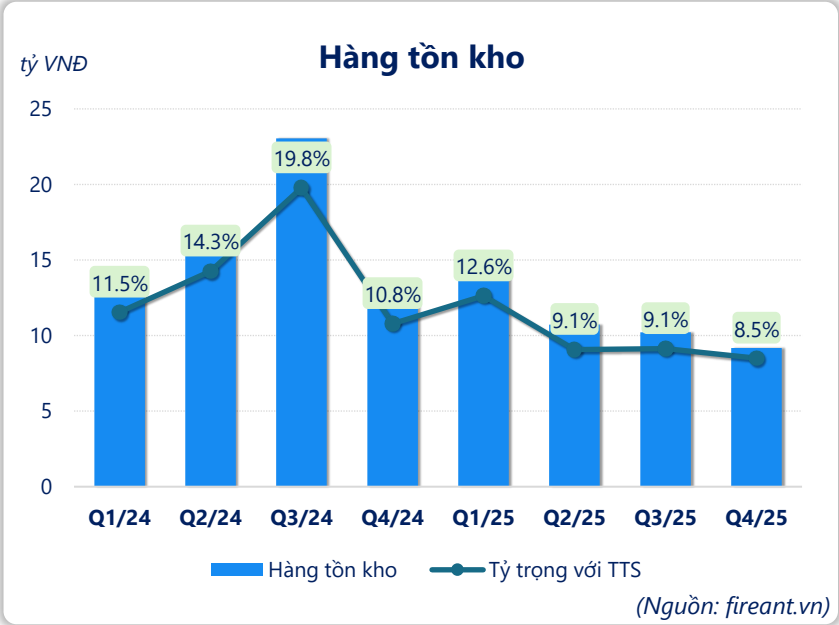
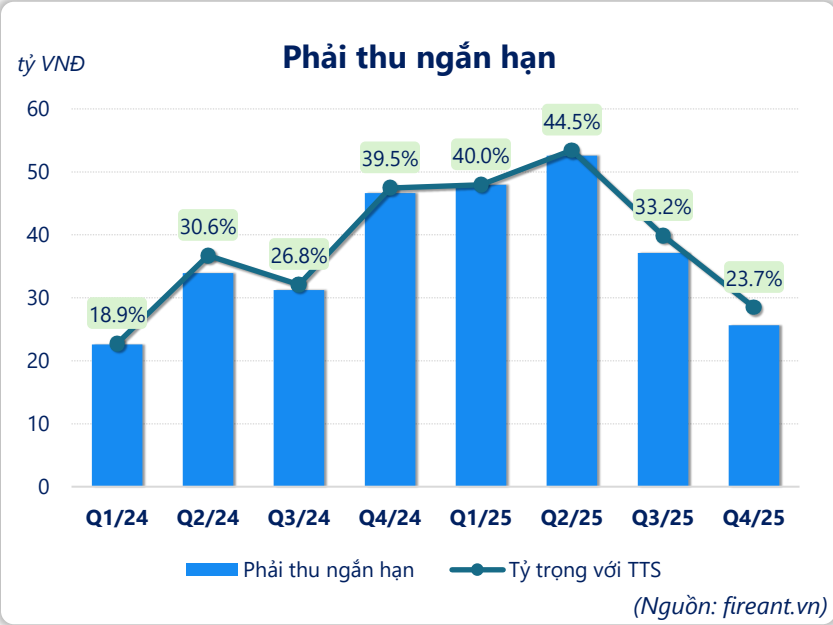
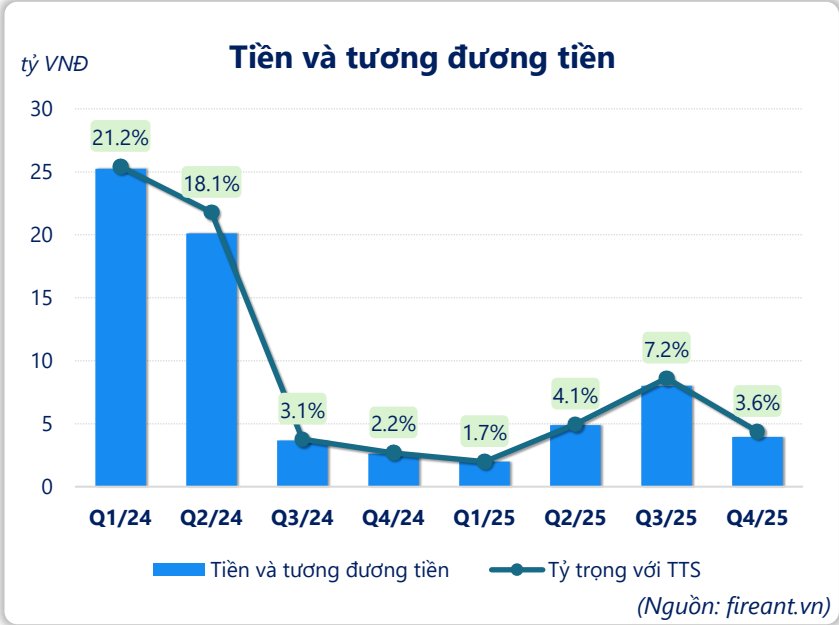
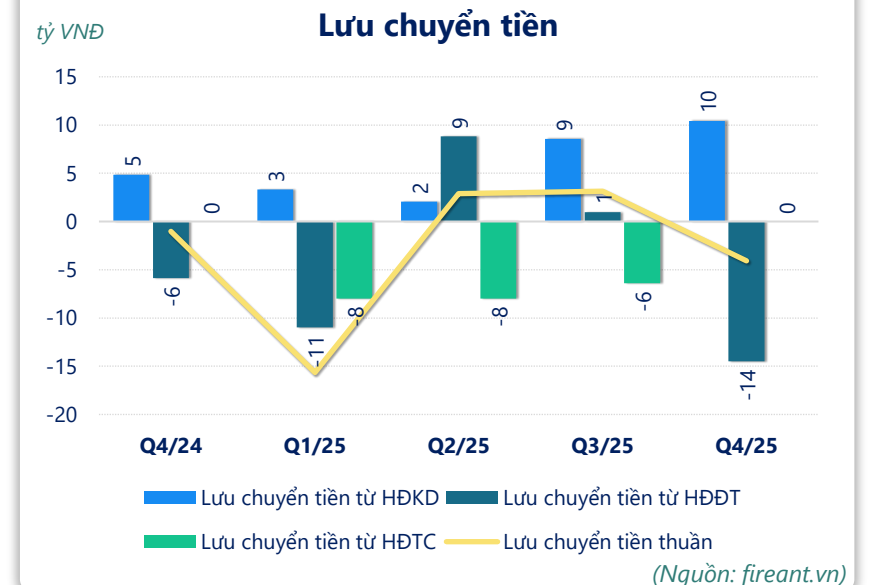
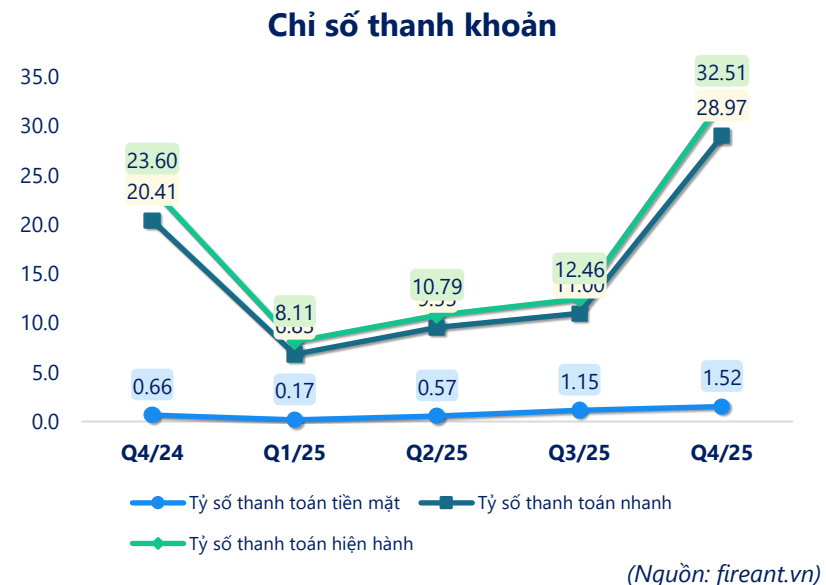
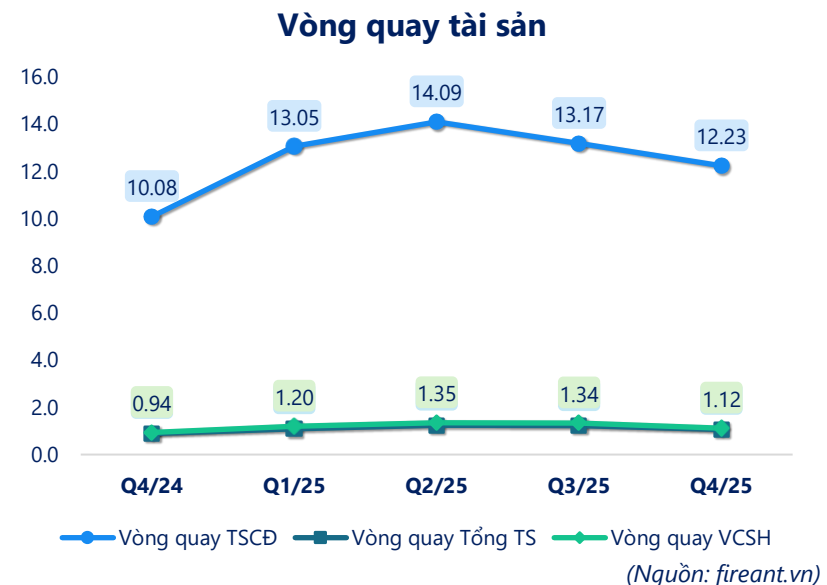
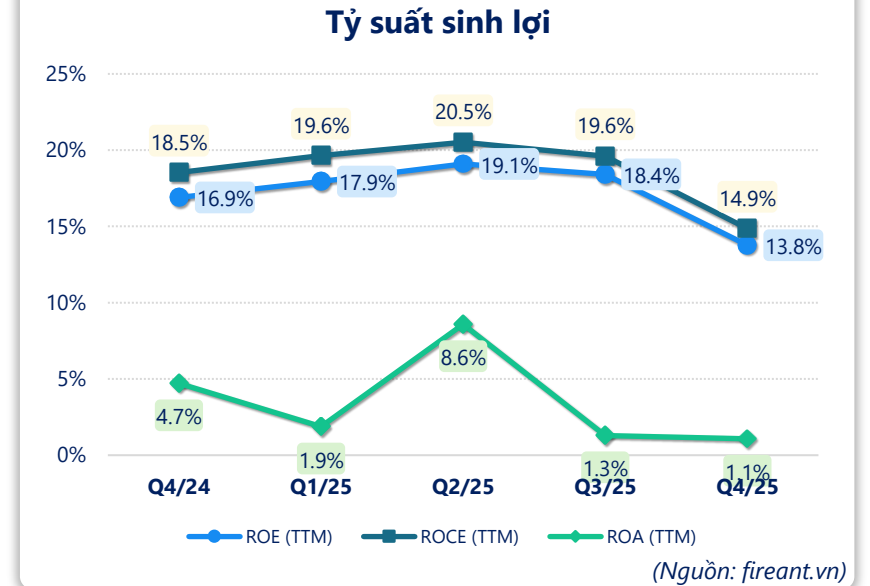
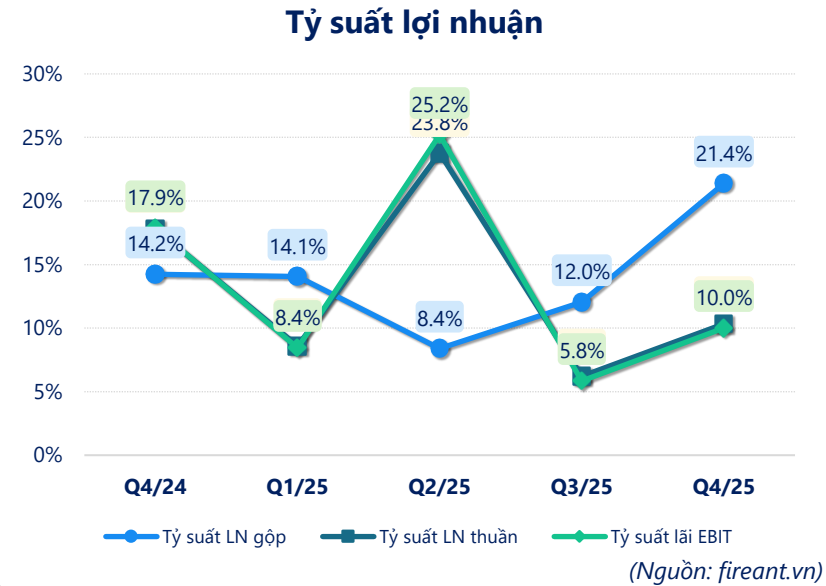
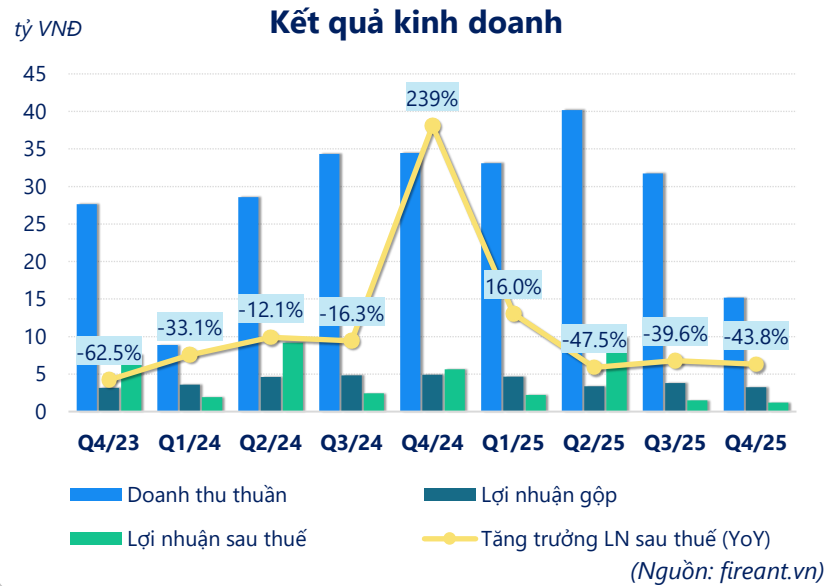


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,023
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,160
SL cổ phiếu LH		7,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)		825
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		138
P/E		9.4
EPS		1,845

	YTD	1T	3T	6T
NAV	-1.3%	0.0%	-7.5%	5.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	108	118	-8.3%
Tài sản ngắn hạn	84.3	94.1	-10.4%
Tiền và tương đương tiền	3.94	17.6	-77.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.5	17.0	168%
Phải thu ngắn hạn	25.6	46.6	-45.0%
Hàng tồn kho	9.18	12.7	-27.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.14	-40.4%
Tài sản dài hạn	23.7	23.8	-0.3%
Phải thu dài hạn	0.35	0.45	-22.2%
Tài sản cố định	9.69	9.96	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	1.62	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	11.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.15	0.23	850%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.17	6.34	-18.5%
Nợ ngắn hạn	2.59	4.01	-35.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	2.57	2.33	10.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.57	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	103	112	-7.8%
Vốn chủ sở hữu	103	112	-7.8%
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	34.4	33.1	40.2	31.7	15.2
Giá vốn hàng bán	29.5	28.5	36.8	27.9	11.9
Lợi nhuận gộp	4.90	4.65	3.37	3.82	3.24
Doanh thu HĐTC	3.86	0.42	9.00	0.40	0.61
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí QLDN	2.61	2.23	2.82	2.25	2.28
LN thuần từ HĐKD	6.14	2.85	9.55	1.97	1.57
Lợi nhuận khác	0.02	-0.05	0.57	-0.12	-0.05
LN trước thuế	6.15	2.80	10.1	1.85	1.52
Lợi nhuận sau thuế	5.61	2.24	9.82	1.48	1.22
LNST của CĐ cty mẹ	5.61	2.24	9.82	1.48	1.22

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.84	3.33	2.08	8.56	10.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.88	-11.0	8.83	0.98	-14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-8.00	-8.00	-6.40	0
Tiền đầu kỳ	3.67	17.6	1.99	4.89	8.03
Lưu chuyển tiền thuần	-1.04	-15.6	2.90	3.14	-4.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.63	1.99	4.89	8.03	3.94

(Nguồn: fireant.vn)